

Sự uyển chuyển trong quá trình tiếp cận cặp phạm trù triết học “sắc-không” của Phật giáo

ĐỖ ĐỨC THỊNH^(*)

Tìm hiểu cặp phạm trù triết học “Sắc - Không”, tôi có đọc một số bộ kinh như *Kinh Bát Nhã*, *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, *Kinh Pháp Hoa* và các sách viết về Phật giáo. Dưới đây là những nhận thức về cặp phạm trù triết học “Sắc - Không” qua một số kinh sách Phật giáo mà tôi đã đọc.

I. “SẮC - KHÔNG” TRONG BA BỘ KINH PHẬT GIÁO

1. *Kinh Bát Nhã*: khởi đầu “Không luận”

“Không luận” là triết thuyết sâu sắc, độc đáo của Phật giáo. Theo *Kinh Bát Nhã*, “Không” là không tự tính, không cố định. “Uẩn” là nơi tụ tập các hiện tượng trên thế gian này, cả vật chất lẫn tinh thần. “Năm uẩn đều không” nghĩa là tất cả các hiện tượng trên thế gian này, dù vật chất hay tinh thần, đều không tự tính, không cố định.

Từ phát hiện “Năm uẩn đều không”, nội dung *Kinh Bát Nhã* nhấn mạnh “tướng không của các pháp, không sinh không diệt, không thêm không bớt...”, từ đó dẫn đến luận điểm: “Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị”. Có nghĩa là “Sắc” và “Không” đều không cố định, đều không biến chuyển như nhau. “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” là trong

“Sắc” đã có “Không”, trong “Không” đã có “Sắc”.

Với cặp phạm trù triết học “Sắc - Không”, Đức Phật đã nhìn vạn vật khách quan là “tương đối” và “chỉnh thể”. “Tương đối” là không cứng nhắc, là uyển chuyển như sự vật luôn luôn biến đổi. “Chỉnh thể” là thấy toàn diện, “là nó nhưng không phải là nó, thể là nó”. Nó hiện hữu nhưng không cố định vĩnh hằng nhưng hiện tồn, hiện hữu.

Bằng nhãn quan “tương đối” và “chỉnh thể”, thể hiện qua cặp phạm trù “Sắc - Không”, Đức Phật đã nhìn con người như thực tế. Ở đây, ta thấy quan điểm của Phật giáo và của Khổng giáo gặp nhau. Con người sinh ra vốn có tính thiện, cũng tức là có Phật tính, “nhân chi sơ, tính bản thiện” (Tam Tự Kinh). Nhưng khi lớn lên, dục vọng xấu xa và tệ nạn xã hội đã đẩy một số người thành sinh vật cuồng loạn, “tập tương viễn, tính nãi thiên”. Vì vậy, sự giáo dục và tu tập là lẽ đương nhiên, “giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”. Đức Phật đã chỉ ra phương pháp tu tập “y Bát Nhã Ba La Mật Đa” để “viễn li điên đảo mộng tưởng”. Đó là dựa vào trí tuệ bát nhã để diệt trừ “điên đảo mộng tưởng”, “hàng phục vọng tâm” nhằm “an trụ chân tâm”.

*. Nhà nghiên cứu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Sự uyển chuyển trong quá trình tiếp cận cập phạm trù triết học “Sắc - Không” trong *Kinh Bát Nhã* cho thấy, với thuyết “Sắc - Không” rất “tương đối” và “chỉnh thể”, Đức Phật đã chiến thắng các xu hướng hoặc quá tả hoặc quá hữu đương thời. Từ đó cho ta một nhận thức muốn bảo vệ một sự nghiệp, trước hết phải có một chủ thuyết chuẩn xác. Có thể có một chủ thuyết chuẩn xác mà sự nghiệp chưa thành công hoặc không thành công, nhưng tuyệt nhiên không có chuyện một sự nghiệp thành công mà không có chủ thuyết chuẩn xác. Chủ thuyết chuẩn xác là linh hồn của một sự nghiệp. *Kinh Bát Nhã* “khởi đầu Không luận” là tiền đề cho sự nghiệp “Bát Nhã” đứng vững để chuyển sang *Kinh Kim Cương Bát Nhã*.

2. *Kinh Kim Cương Bát Nhã*: tròn đầy “Không luận”

Vấn đề nổi bật trong *Kinh Kim Cương Bát Nhã* là “an trụ tâm” cũng là “an trụ chân tâm”, và “hàng phục tâm” cũng là “hàng phục vọng tâm”. Nói cách khác, “an trụ chân tâm” và “hàng phục vọng tâm” là những vấn đề xuyên suốt 32 phần nội dung *Kinh Kim Cương Bát Nhã*. Thực ra, “an trụ chân tâm” và “hàng phục vọng tâm” không chỉ là xương sống của *Kinh Kim Cương Bát Nhã* và *Kinh Bát Nhã*, mà còn là thần thái nhiều kinh sách khác của Phật giáo.

Đức Phật đã chỉ ra phương hướng tu luyện “viễn li điên đảo mộng tưởng” và “hàng phục nhân tâm” để phục hồi Phật tính vốn có là “an trụ chân tâm”, luồng hào quang ấy làm sáng rõ cả trong *Kinh Bát Nhã* lẫn trong *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, song chúng mang chức năng khác nhau. Ở *Kinh Bát Nhã*, “hàng phục vọng tâm” để “an trụ chân tâm” được toả sang từ trí tuệ bát nhã, là kim chỉ nam cho các

kinh sách Phật giáo. Nhưng tới *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, trí tuệ bát nhã lại là vũ khí sắc bén phá mọi kiến chấp sai lầm để đạt chính giáo.

Từ *Kinh Bát Nhã* về trước, chỉ chiến đấu với kẻ thù bên ngoài. Đến *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, bên cạnh sự chiến đấu với kẻ thù bên ngoài không kém phần gay gắt, còn phải chiến đấu với kẻ thù nội tâm là “hàng phục vọng tâm” để “an trụ chân tâm”, tức là phá mọi kiến chấp sai lầm.

Đức Phật tuyên bố: “Kẻ thù lớn nhất của đời người chính là mình”. Liên đó, Người mở lòng bao dung khi cho rằng: “Điều đáng khâm phục lớn nhất của đời người là vươn lên sau khi ngã”. Từ đó, Người chỉ rõ những kiến chấp, sai lầm, rồi động viên, đưa Phật tử vào tu luyện qua các thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng để tiến dần tới trí tuệ bát nhã.

Đức Phật đã nhìn chúng sinh đầy những kiến chấp sai lầm là “vốn liếng”, là “của cải” cho nên không những đã rất “Kim cương” và “Bát nhã” dẫn đệ tử “hàng phục vọng tâm” để “an trụ chân tâm”, mà còn đặt những yêu cầu khắt khe đối với chúng sinh qua bài kệ:

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn, bào ảnh,
Như lộ diệt như điện,
Ứng tác như thị quán.

Vì sao Đức Phật nhấn mạnh hình ảnh “mộng huyễn”, “bào ảnh”, “lộ”, “điện”? Ở phần 8 nói: “Nếu lại có người nắm vững kinh này, vì người khác giảng giải bốn câu kệ, phúc đức ấy hơn hẳn người dùng bảy thứ báu vật đầy ấp cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí”. Đến phần 11 lại tăng lên gấp bội: “Nếu có Thiện nam,

Thiện nữ đem bảy thứ báu vật đầy ấp cả tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát sông Hằng ra bố thí, phúc đức vẫn không bằng những Thiện nam, Thiện nữ nắm vững kinh này, vì người khác giảng giải bốn câu kệ này". Đến phần 32, phần cuối cùng, Người lại nhấn mạnh: "Nếu có Người đem bảy thứ báu vật đầy ấp cả thế gian trải dài ra vô số thời gian để bố thí, phúc đức vẫn không bằng những Thiện nam Thiện nữ nắm vững kinh này, vì người khác giảng giải bốn câu kệ".

Với thuyết "Sắc - Không", trong suốt *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, Đức Phật nhiều lần nói: "Là nó nhưng không phải là nó, thế là nó". Là nó nhưng chốc lát không còn là nó nữa, là khẳng định tất cả vật chất trên thế gian chuyển biến rất nhanh như "đời người chỉ trong hơi thở". Cho nên, mọi vấn đề, chủ trương, đường lối trên cõi đời cần tiến hành có phương pháp, cần thực thi nhanh chóng như "bào ảnh", như "điện" là lẽ đương nhiên.

Đức Phật đặc biệt chú trọng tâm quan trọng của bốn câu kệ. Ngay câu đầu, Người đã nhấn mạnh: "Mọi cách thức, phương pháp thực hành tu luyện dứt khoát phải thế không thể khác được". Ở đây, Đức Phật ngầm bảo: Dầu trải qua bao chiến thắng oai hùng, dầu có chủ trương tốt đẹp là "hàng phục vọng tâm" để "an trụ chân tâm", dầu có thuyết "Sắc - Không" siêu việt, mà phương pháp thực thi không thích hợp thì đều đổ vỡ. Đức Phật đã chỉ cho hậu thế rằng có chủ trương, đường lối tốt đẹp là quý, nhưng quyết định tối hậu lại phải luôn có phương pháp thực thi thích hợp.

Như vậy, quá trình tiếp cận cập phạm trù triết học "Sắc - Không" luôn uyển chuyển tùy cơ qua *Kinh Bát Nhã* và *Kinh Kim Cương Bát Nhã*. Ở *Kinh Bát Nhã*

"khởi đầu Không luận", "Sắc - Không" như hai vị hộ pháp xua đuổi ma quỷ. Đến *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, "Sắc - Không" vừa như hai dinh lũy tả hữu bảo vệ, vừa như hai mái chèo đẩy con thuyền "Trung đạo" tiến mạnh lên giữa dòng "Bát Nhã", để tiến tới "thăng hoa Không luận" ở *Kinh Pháp Hoa*.

3. *Kinh Pháp Hoa: thăng hoa "Không luận"*

"Phẩm Phương Tiện" mở đầu *Kinh Pháp Hoa* nói rõ bản hoài của chư Phật là khai thị cho chúng sinh ngộ nhập chính đạo. Có điều không chỉ có Phẩm Phương Tiện mà các phẩm khác như "Thí Dụ", "Tín Giải", "Dựng Thảo Dụ", "Hoá Thành Dụ" đều là phương tiện. Thực ra, cả 28 phẩm hoặc trực tiếp là phương tiện, hoặc gián tiếp mang ý nghĩa phương tiện, để tế độ chúng sinh ngộ nhập chính đạo.

Cả 28 phẩm trong *Kinh Pháp Hoa* đều là những phương tiện duệ trí, nhất là các phẩm "Thí Dụ", "Tín Giải", "Dựng Thảo Dụ", "Hoá Thành Dụ". Trong "Phẩm Tín Dụ", qua những ví dụ uyển chuyển, "khế lý khế cơ", Đức Phật chẳng những đưa chúng sinh các bậc thượng thượng căn, thượng căn, trung căn, hạ căn, mà ngay cả kẻ phạm tội ngũ nghịch như Đề Bà Đạt Đa... cũng có thể thành Phật.

Cập phạm trù "Sắc - Không" đến đây cũng uyển chuyển đa dạng. Ở *Kinh Bát Nhã*, như đã nói, "Sắc - Không" như hai vị hộ pháp diệt trừ ma quỷ. Ở *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, "Sắc - Không" vừa như hai dinh lũy tả hữu bảo vệ, vừa như hai mái chèo đẩy con thuyền "Trung Đạo" tiến nhanh lên giữa dòng "Bát Nhã". Đến *Kinh Pháp Hoa*, "Sắc - Không" có lúc hòa nhã như hai anh em sinh đôi cùng chở cỗ xe "Đại Thừa", có khi như hai mảng bè nối nhau đưa chúng sinh đến cõi Phật.

Chính sự uyển chuyển của cặp phạm trù "Sắc - Không" thôi thúc chúng tôi tìm đọc thêm các sách Phật giáo có đề cập đến vấn đề này.

II. "SẮC - KHÔNG" TRONG MỘT SỐ SÁCH PHẬT GIÁO

Sự uyển chuyển, tùy cơ của cặp phạm trù "Sắc - Không" qua ba thời kì "khởi đầu Không luận", "tròn đầy Không luận", "thăng hoa Không luận" là nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế trong một số sách viết về Phật giáo, trong đó, theo chúng tôi, có 3 hạn chế khá phổ biến là: thần thánh hóa vô lí cuộc đời Đức Phật, cái nhìn một chiều đơn giản, mắc kẹt nghĩa khái niệm.

Thần thánh hóa vô lí cuộc đời Đức Phật

Thần thánh hóa cuộc đời Đức Phật là một hạn chế khá phổ biến, ngay cả trong tác phẩm của một số người có thứ bậc trong Phật giáo. Pháp sư Nguyệt Khê, trong tác phẩm *Phật học tinh hoa* viết: "Phật giáo chúng ta chẳng phải là triết học, tín độ Phật giáo chúng ta đã nhiều lần nói rõ. Là vì, mục đích của triết học, là cầu tri kiến, mà mục đích của Phật pháp là lìa tri kiến. Việc làm của triết học là nơi lời nói, còn Phật pháp là ở chỗ lìa lời nói. Triết học thì dùng lí trí để làm con đường đi đến chân lí, còn Phật pháp thì lại cho rằng lí trí là "sở tri chướng" và bài xích nó là vọng tưởng. Các triết gia Tây phương thì cầu nơi lí trí, y lại lí trí, còn nhà Phật thì lại đi phá trừ lí trí, phủ định lí trí, cho nên, có thể bảo rằng hai bên nghịch hẳn nhau. Bản thân triết học là thuộc về tương đối luận, chưa đạt đến cảnh giới tuyệt đối, thường bị sự hạn chế của thời gian, không gian, nên nội dung của triết học thường tùy theo thời đại mà

thay đổi, thật không một ai dám công nhận triết học là tuyệt đối. Phật pháp thì khác. Phật pháp là sự chân thực tuyệt đối, siêu việt thời gian, không gian, nên trải qua muôn đời mà không hề thay đổi...".

Liệu có thật Phật pháp lìa tri kiến, bài xích lí trí, phủ định lí trí? Sai lầm chủ yếu của Pháp sư Nguyệt Khê là phớt lờ thời gian tâm đạo muôn vàn gian lao khổ hạnh của Thái tử Tất Đạt Đa dời bỏ ngai vàng để tìm đường cứu độ chúng sinh và thần thánh hóa Đức Phật một cách thái quá.

Trong *Kinh Bát Nhã* nói riêng, kinh điển của hệ thống Bát Nhã nói chung, ta thấy luận điểm "Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị" rất độc đáo. Đức Phật chỉ rõ, vạn pháp, kể cả thế giới vật chất lẫn thế giới tinh thần, luôn thay đổi, không cố định, vì không có tự tính, chỉ tồn tại tùy duyên. Cho nên, sẽ không có chuyện "Phật pháp lìa tri kiến, phủ định lí trí", mà trái lại, bằng một lí trí cao siêu, bao quát, phủ định mọi lí trí thấp nhỏ.

Ở nước ta cũng có một xu hướng thần thánh hóa Đức Phật. Nguyễn Duy Cần, trong *Phật học tinh hoa* viết: "Một đêm, trong khi Người đang ngồi dưới cột bồ đề, bỗng hoắt nhiên tỉnh ngộ: bao nhiêu bức màn vô minh rút đi từng mảnh! Một trạng thái biến chuyển cực kì nhanh chóng của thế giới vô thường chứng cho Người cái cảnh vi diệu của Niết Bàn... Người ta thuật rằng, lúc Người đắc đạo thì đất trời rung chuyển... Ngay chỗ Người ngồi, thấy đều tan ra tro bụi". Rõ ràng, những chi tiết này đã cố tình thần thánh hóa vô lí cuộc đời Đức Phật.

Phản ứng lại quan điểm thần thánh hóa Đức Phật, Thích Thanh Từ trong tác

phẩm *Cành lá vô ưu* đã viết: “Trong giới Phật tử chúng ta ngày nay đa số không hiểu rõ ý nghĩa chữ Tu, nên ứng dụng sai lầm một cách đáng thương. Khi đến chùa xin quy y, họ thâm nghĩ từ đây về sau được Phật độ cho mình khoẻ mạnh, gia đình an ổn, mọi mong cầu được như ý. Khi chết được Phật rước về cõi Phật. Chớ họ không hiểu rằng, kể từ ngày quy y Tam bảo là tự mình quyết tâm chừa bỏ những thói hư tật xấu, mình quyết thắng mọi tâm niệm, hành động mê hèn ác độc của mình, và mình cố gắng tạo dựng đầy đủ phước lành để chết được sinh về cõi Phật. Họ dinh ninh trong lòng Tu là nương tựa Tam bảo, là van xin Phật... nên trở thành yếu hèn, ỷ lại, mất hết ý nghĩa chữ Tu”.

Thiết tưởng, ở điểm này, chúng ta cần tìm hiểu thêm về cuộc đời tâm đạo chân tu của Đức Phật. Đại đức Nārada, trong tác phẩm *Đức Phật và Phật pháp*, sau khi nghiên cứu về Đức Phật và giáo pháp của Ngài đã rút ra những kết luận rất đáng chú ý như sau:

- Không phải khi sinh ra Ngài đã là Phật mà Ngài trở thành Phật do sự nỗ lực của mình.
- Sinh ra là một người, sống như một người, Đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân.
- Sự hiểu biết thích hợp với lý trí là điểm then chốt của Phật giáo.
- Đức tin mù quáng bị loại trừ, không còn chỗ đứng trong Phật giáo.
- Phật giáo nhấn mạnh tầm quan trọng của sự thực hành thay vì tín ngưỡng và giáo điều.

Cuộc đời cam go và trí tuệ của Đức Phật, qua hệ thống kinh điển Bát Nhã,

nhất là *Kinh Bát Nhã* và *Kinh Kim Cương Bát Nhã*, rõ ràng điểm then chốt của Phật giáo là sự hiểu biết thích hợp với lý trí. Như vậy, lỗi của nhiều sách viết về Phật giáo là thần thánh hóa vô lý cuộc đời Đức Phật. Lỗi đó, theo chúng tôi, không chỉ tạo nên sự suy thoái trong lòng Phật giáo, mà còn tổn thương đến ảnh hưởng tốt đẹp cho nhân quần xã hội. Đừng quên một điều, Đức Phật không hề nói đến Thượng Đế, Chúa Trời, thần thánh, mà nâng con người ngang tầm Thượng Đế khi cho rằng: “Mỗi người là Thượng Đế của chính mình”.

Mắc kẹt nghĩa khái niệm

Trong ngôn ngữ Phật giáo, cần chú ý những từ phủ định: “Không”, “Giả”, “Phi”. Ví như từ “Không”, có chỗ nên hiểu là “không”, có chỗ nên hiểu là “không có định”. Tương tự, từ “Giả”, có chỗ nên hiểu là “giả”, có chỗ nên hiểu là “thật không có định”, có chỗ nên hiểu là “giả danh”.

Mắc kẹt nghĩa khái niệm là chuyện dài qua sự lĩnh hội có hạn. Đặc biệt là bản dịch, sự mắc kẹt nghĩa khái niệm tồn đọng nặng nề hơn từ hai chiều là người dịch và người đọc.

Cái nhìn một chiều đơn giản

Cái nhìn một chiều đơn giản cũng tạo nên từ hai chiều: người viết chưa nắm được tổng thể sự việc, còn người đọc thì chưa nắm được toàn bộ tâm hồn tác giả. Chẳng hạn có ý kiến cho rằng, sự khác nhau căn bản giữa lý tưởng Phật giáo và chủ nghĩa cộng sản là một bên thì duy tâm, bên kia thì duy vật.

Chủ nghĩa cộng sản duy vật thì đúng rồi. Nhưng nếu đơn giản cho rằng Phật giáo duy tâm thì chúng ta sẽ giải thích như thế nào về lời Đức Phật từng dạy: “Tuy giới ta thế, nhưng ở phương khác

không cho là thanh tịnh thì đều không được dung. Tuy chẳng phải giới ta thế, nhưng ở phương khác phải nên làm thì không được làm”. Hoặc: “Đừng vội tin một điều gì vì đó là truyền thống, vì được ghi trong sách hoặc được suy luận theo logic đơn giản, hoặc là do hiểu biết hơi hợt, hoặc là do hứng thú vào một học thuyết nào đó, hoặc vì điều ấy có vẻ thích hợp, hoặc là vì lòng kính trọng một bậc đạo sư... Chỉ chấp nhận những gì mà theo sự thể nghiệm trực tiếp của bản thân, đem lại hạnh phúc cho mình và cho tất cả mọi người khác, thì hãy thừa nhận những điểm ấy là chân lí và hãy sống theo chân lí ấy”.

III. KẾT LUẬN

Đọc kinh sách Phật giáo, tôi nhớ nằm lòng một số nhận xét của Đại đức Nārada về Đức Phật và giáo pháp của Ngài trong tác phẩm *Đức Phật và Phật pháp* như đã nêu ở trên rằng: “Không phải khi sinh ra Ngài đã là Phật mà Ngài trở thành Phật do sự nỗ lực của mình”. “Sinh ra là một người, sống như một người, Đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện đạo của Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân”. “Sự hiểu biết thích hợp với lí trí là điểm then chốt của Phật giáo”.

Đặc biệt là ý nghĩ tượng trưng “đời người chỉ trong hơi thở” để khẳng định tất cả các sự vật trên thế gian này chỉ tồn tại trong chốc lát, thì phương pháp thực thi dứt khoát phải chớp nhoáng như “bào ảnh”, như “điện”. Ngụ ý của Đức Phật là dầu đã trải qua bao chiến thắng rất “Kim cương”, rất “Bát nhã”, dầu có chủ trương

“hàng phục vọng tâm” để “an trụ chân tâm” tốt đẹp, dầu có triết thuyết “Sắc - Không” siêu việt, mà phương pháp thực thi không thích hợp thì sẽ đổ vỡ hết. Nói cách khác, phương pháp thực thi mang giá trị tối hậu quyết định sự thành công một sự nghiệp. Nó mang ý nghĩa miên trường, có chủ trương, đường lối tốt đẹp là quý, nhưng quyết định tối hậu lại là luôn có phương pháp thực thi thích hợp.

Đất nước Việt Nam anh dũng tuyệt vời, đã từng chiến thắng nhiều cường quốc trên thế giới để “cả năm châu chân lí nhìn theo”. Đức Phật đã từng cương nghị tuyệt vời với “lục phái ngoại đạo” để được nhận định: “Trong lịch sử nhân loại không có vị giáo chủ nào phi thần linh hơn Đức Phật”. Tuy nhiên, cũng không có vị nào “giống thần linh” hơn Đức Phật. Được nuôi dưỡng trong hai luồng hào quang ấy, tôi nghĩ mỗi Phật tử Việt Nam sẽ là một Duy Ma Cật điểm tô cho từng ngôi chùa của xứ sở rạng rỡ “hào quang Bát nhã”.

Gấp lại những trang sách Phật giáo, nhưng những lời dạy của Đức Phật vẫn còn réo vang: “Sự có mặt một kẻ thù luôn luôn giở trò xoi mói, chỉ trích là điều luôn luôn thôi thúc mình phải tìm cách vượt tới. Bởi lẽ, sự phê phán xoi mói của kẻ thù giúp ta thấy rõ những sở đoản của mình hơn. Cho nên, phải mở lòng tế độ, vừa luôn nghe được lời chỉ trích những sơ hở để kịp thời khắc phục, vừa là cơ hội giác ngộ kẻ thù”. Tôi nghĩ, nên đem một số kinh sách Phật giáo, nhất là *Kinh Kim Cương Bát Nhã* giảng giải ở học đường./.